

Số: 10 /2016/QĐ-UBND

Kon Tum, ngày 30 tháng 3 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định mức thưởng đối với vận động viên, huấn luyện viên
tỉnh Kon Tum đạt thành tích trong thi đấu tại các giải thể thao
cấp tỉnh, khu vực và quốc gia**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 32/2011/QĐ-TTg ngày 06 tháng 6 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao được tập trung tập huấn và thi đấu;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 149/2012/TTLT-BTC-BLĐT BXH-BVHTTDL ngày 12 tháng 9 năm 2012 của Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn thực hiện Quyết định số 32/2011/QĐ-TTg, ngày 06 tháng 6 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao được tập trung tập huấn và thi đấu;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này "Quy định mức thưởng đối với vận động viên, huấn luyện viên tỉnh Kon Tum đạt thành tích trong thi đấu tại các giải thể thao cấp tỉnh, khu vực và quốc gia".

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 (mười) ngày kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: *nh*

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VBQPPL);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận TQVN tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Chi cục Văn thư - Lưu trữ tỉnh;
- Báo Kon Tum, Đài PTTH tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, VX3, NC, KTTH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đào Xuân Quý

QUY ĐỊNH

**Mức thưởng đối với vận động viên, huấn luyện viên tỉnh Kon Tum
đạt thành tích trong thi đấu tại các giải thể thao cấp tỉnh, khu vực và quốc gia**
(Ban hành kèm theo Quyết định số: **10** /2016/QĐ-UBND,
ngày **30** / 3 /2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định mức thưởng đối với vận động viên, huấn luyện viên các đội tuyển thể thao của tỉnh lập thành tích trong thi đấu tại các giải thể thao khu vực và quốc gia; vận động viên, huấn luyện viên đội tuyển thể thao của các cơ quan, đơn vị, địa phương lập thành tích trong thi đấu tại các giải thể thao cấp tỉnh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Mức chi tiền thưởng được quy định tại quyết định này áp dụng đối với vận động viên, huấn luyện viên đội tuyển thể thao của tỉnh, của các cơ quan đơn vị, địa phương lập thành tích trong thi đấu tại các giải thể thao cấp tỉnh, khu vực và quốc gia theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

Điều 3. Nguyên tắc khen thưởng

1. Việc khen thưởng vận động viên, huấn luyện viên thể thao của tỉnh lập thành tích trong giải thi đấu phải chính xác, công khai và kịp thời nhằm tôn vinh vận động viên, huấn luyện viên thể thao đạt thành tích cao.

2. Căn cứ thành tích đạt được, Ban Tổ chức giải công nhận để áp dụng mức thưởng cho vận động viên, huấn luyện viên.

**Chương II
QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

Điều 4. Mức thưởng cho vận động viên, huấn luyện viên của tỉnh lập thành tích tại các giải thể thao khu vực và quốc gia

1. Đại hội Thể dục thể thao toàn quốc và Giải vô địch từng môn (thuộc hệ thống thi đấu thể thao thành tích cao):

Đơn vị tính: VNĐ

TT	Giải thi đấu	Thành tích			Phá kỷ lục
		HCV	HCB	HCD	
1	Đại hội TDTT toàn quốc	10.000.000	7.000.000	5.000.000	3.000.000
2	Giải vô địch từng môn	6.000.000	4.000.000	2.000.000	2.500.000

2. Các giải trẻ quốc gia:

a) Giải thể thao dành cho vận động viên từ 18 đến dưới 21 tuổi: Mức thưởng bằng 50% mức thưởng tương ứng quy định tại Khoản 1 Điều này;

b) Giải thể thao dành cho vận động viên từ 16 đến dưới 18 tuổi: Mức thưởng bằng 40% mức thưởng tương ứng quy định tại Khoản 1 Điều này;

c) Giải thể thao dành cho vận động viên từ 12 đến dưới 16 tuổi: Mức thưởng bằng 30% mức thưởng tương ứng quy định tại Khoản 1 Điều này;

d) Giải thể thao dành cho vận động viên dưới 12 tuổi: Mức thưởng bằng 20% mức thưởng tương ứng quy định tại Khoản 1 Điều này;

đ) Riêng Hội khỏe phù Đổng toàn quốc áp dụng theo các lứa tuổi để xác định mức thưởng tương ứng quy định tại Khoản 1 và 2 của Điều này.

3. Đối với các môn thể thao tập thể, số lượng vận động viên được thưởng khi lập thành tích theo quy định của điều lệ giải. Mức thưởng chung bằng số lượng vận động viên nhân với mức thưởng tương ứng quy định tại các Khoản 1, 2 Điều này.

4. Đối với các môn thi đấu đồng đội (các môn thi đấu mà thành tích thi đấu của từng cá nhân và đồng đội được xác định trong cùng một lần thi), số lượng vận động viên được thưởng khi lập thành tích theo quy định của Điều lệ giải. Mức thưởng chung bằng số lượng người được thưởng nhân với 50% mức thưởng tương ứng quy định tại các Khoản 1 và 2 Điều này.

5. Đối với Hội thi, Hội thao và các giải thể thao quần chúng khu vực và toàn quốc (trong hệ thống thi đấu quốc gia):

a) Thưởng cá nhân:

- Huy chương vàng: 1.000.000 đồng.

- Huy chương bạc: 800.000 đồng.

- Huy chương đồng: 500.000 đồng.

b) Đối với các môn thi đấu đồng đội (các môn thi đấu mà thành tích thi đấu của từng cá nhân và đồng đội được xác định trong cùng một lần thi), số lượng vận động viên được thưởng khi lập thành tích theo quy định của điều lệ giải. Mức thưởng chung bằng số lượng người được thưởng nhân với 50% mức thưởng tương ứng quy định tại Điểm a Khoản 5 Điều này.

c) Đối với các môn thể thao tập thể, số lượng vận động viên được thưởng khi lập thành tích theo quy định của điều lệ giải. Mức thưởng chung bằng số lượng người được thưởng nhân với 70% mức thưởng tương ứng quy định tại Điểm a Khoản 5 Điều này.

6. Thưởng đối với huấn luyện viên

a) Đối với thi đấu cá nhân: Những huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên lập thành tích trong các cuộc thi đấu thì mức thưởng chung được tính bằng mức thưởng đối với vận động viên tương ứng quy định tại Khoản 1, 2 và Điểm a Khoản 5 Điều này. Trường hợp Huấn luyện viên có nhiều vận động viên đạt huy chương tại một giải thể thao thì ngoài mức thưởng chung, Huấn luyện viên được thưởng thêm 50% tổng mức thưởng các huy chương đạt được còn lại.

b) Đối với thi đấu tập thể: Những huấn luyện viên trực tiếp đào tạo đội tuyển thi đấu lập thành tích thì được thưởng mức thưởng chung bằng số lượng huấn luyện viên theo quy định nhân với mức thưởng đối với vận động viên đạt giải tương ứng quy định tại Khoản 1, 2 và Điểm a Khoản 5 Điều này.

Số lượng huấn luyện viên của các đội được xét thưởng quy định theo mức sau:

- Đối với các đội thuộc những môn có quy định từ 02 đến 05 vận động viên tham gia thi đấu: Mức thưởng chung tính cho 01 huấn luyện viên.

- Đối với các đội thuộc những môn có quy định từ 06 đến 14 vận động viên tham gia thi đấu: Mức thưởng chung tính cho 02 huấn luyện viên.

- Đối với các đội thuộc những môn có quy định từ 15 vận động viên trở lên: Mức thưởng chung tính cho 03 huấn luyện viên.

c) Đối với môn thể thao có nội dung thi đấu đồng đội: Mức thưởng chung cho huấn luyện viên bằng số lượng huấn luyện viên quy định tại Điểm b Khoản 6 Điều này nhân với 50% mức thưởng tương ứng quy định Khoản 1, 2 và Điểm a Khoản 5 Điều này.

Điều 5. Mức thưởng cho vận động viên đạt thành tích trong thi đấu tại giải thể thao cấp tỉnh

1. Giải cá nhân:

- Giải nhất (Huy chương vàng): 700.000 đồng;

- Giải nhì (Huy chương bạc): 500.000 đồng;

- Đồng giải ba (Huy chương đồng): 300.000 đồng;

2. Các giải thể thao mà nội dung thi đấu có số lượng vận động viên thi đấu chính thức từ 02 đến 03 vận động viên, mức thưởng chung được thưởng như sau:

- Giải nhất (Huy chương vàng): 1.000.000 đồng;

- Giải nhì (Huy chương bạc): 800.000 đồng;

- Đồng hạng ba (Huy chương đồng): 600.000 đồng.

3. Đối với các môn thể thao có nội dung thi đấu đồng đội (mà thành tích của từng cá nhân và đồng đội được xác định trong cùng một lần thi) số lượng vận động viên được thưởng khi lập thành tích theo quy định của Điều lệ giải. Mức thưởng chung bằng số lượng người được thưởng nhân với 50% mức thưởng cá nhân tương ứng quy định tại Khoản 1 Điều này.

4. Giải toàn đoàn:

- Đối với Đại hội Thể dục thể thao, Hội thi, Hội thao mức thưởng như sau:

+ Nhất toàn đoàn: 2.500.000 đồng;

+ Nhì toàn đoàn: 2.000.000 đồng;

+ Ba toàn đoàn: 1.500.000 đồng.

- Đối với giải từng môn có nhiều nội dung thi đấu, mức thưởng toàn đoàn bằng 1/3 mức thưởng tương ứng giải toàn đoàn của Đại hội Thể dục thể thao, Hội thi, Hội thao.

5. Đối với môn thể thao tập thể:

a) Mức thưởng chung bằng số lượng vận động viên theo quy định của Điều lệ giải nhân với mức thưởng tương ứng quy định tại Khoản 1 Điều này;

b) Các danh hiệu môn thể thao tập thể (đội Phong cách...): Mức thưởng chung bằng số lượng vận động viên theo quy định của điều lệ giải nhân với 50% mức thưởng giải ba quy định tại Khoản 1 Điều này;

c) Các danh hiệu cá nhân theo quy định của Điều lệ giải trong các môn thể thao tập thể, mức thưởng là 500.000 đồng/01 danh hiệu.

6. Nếu xét thấy cần thiết, để động viên khuyến khích các tập thể, cá nhân có nhiều cố gắng, khắc phục khó khăn tham dự giải, Trưởng ban tổ chức giải có thể quyết định thưởng các giải khuyến khích cho tập thể với mức thưởng là 1.000.000 đồng và cá nhân với mức thưởng là 200.000 đồng.

7. Các giải trẻ:

- Giải thể thao dành cho vận động viên từ 18 đến dưới 21 tuổi: Mức thưởng bằng 80% mức thưởng tương ứng quy định tại Khoản 1, 2, 3, 4, 5 và 6 Điều này;

- Giải thể thao dành cho vận động viên từ 16 đến dưới 18 tuổi: Mức thưởng bằng 60% mức thưởng tương ứng quy định tại Khoản 1, 2, 3, 4, 5 và 6 Điều này;

- Giải thể thao dành cho vận động viên từ 12 đến dưới 16 tuổi: Mức thưởng bằng 50% mức thưởng tương ứng quy định tại Khoản 1, 2, 3, 4, 5 và 6 Điều này;

- Giải thể thao dành cho vận động viên dưới 12 tuổi: Mức thưởng bằng 40% mức thưởng tương ứng quy định tại Khoản 1, 2, 3, 4, 5 và 6 Điều này.

8. Quy định về áp dụng mức chi thưởng:

a) Mức thưởng quy định nêu trên là mức tối đa, căn cứ khả năng ngân sách được giao và nguồn huy động hợp pháp khác, Ban Tổ chức quyết định cơ cấu giải thưởng cho phù hợp.

b) Đối với các giải thi đấu TDTT cấp huyện, ngành, cấp xã: Căn cứ vào quy mô cụ thể của mỗi hoạt động TDTT, khả năng kinh phí được giao theo phân cấp, khả năng huy động các nguồn thu hợp pháp khác, Ban tổ chức quyết định cơ cấu giải thưởng cho phù hợp.

c) Nguồn kinh phí thực hiện: Cân đối trong dự toán chi sự nghiệp văn hóa, thể dục thể thao được cấp thẩm quyền giao hàng năm.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 6. Nguồn kinh phí

1. Đối với các giải thể thao toàn quốc:

a) Nguồn kinh phí thực hiện mức thưởng đối với huấn luyện viên, vận động viên theo quy định này được bố trí trong dự toán chi ngân sách sự nghiệp

thể dục thể thao hàng năm theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành và nguồn kinh phí hợp pháp khác.

b) Đối với các cấp đội tuyển của tỉnh tham gia giải toàn quốc, cơ quan ra quyết định triệu tập huấn luyện viên, vận động viên có trách nhiệm bố trí nguồn kinh phí thực hiện chế độ thưởng đối với huấn luyện viên, vận động viên theo quy định.

2. Đối với giải thể thao trong tỉnh: Cấp nào ban hành văn bản tổ chức giải thi đấu thể thao, cấp đó có trách nhiệm bố trí nguồn kinh phí thực hiện chế độ thưởng theo quy định.

Điều 7. Điều khoản thi hành

1. Hàng năm, căn cứ vào chương trình, kế hoạch tổ chức và tham gia các giải thi đấu thể thao, nguồn thu dự kiến từ bán vé xem thi đấu, tài trợ, quảng cáo..., cơ quan quản lý nhà nước về thể dục thể thao các cấp lập dự toán chi ngân sách cho các giải thi đấu thể thao do cấp mình tổ chức và tham gia các giải thi đấu thể thao (trong đó có dự toán chi thưởng), trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định hiện hành.

2. Các cấp, các ngành, các cơ quan, đơn vị được giao dự toán ngân sách thực hiện các nhiệm vụ đối với hoạt động thể dục thể thao có trách nhiệm quản lý, sử dụng kinh phí được cấp có thẩm quyền giao đảm bảo đúng mục đích, nguyên tắc và chế độ tài chính hiện hành; quyết toán kinh phí đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước.

3. Cơ quan tài chính các cấp theo chức năng, nhiệm vụ tham mưu Ủy ban nhân dân cùng cấp phân bổ, giao dự toán cho các cơ quan thực hiện theo quy định.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, các đơn vị, địa phương kịp thời phản ánh về Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định sửa đổi, bổ sung cho phù hợp. /

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đào Xuân Quý